

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2021.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đ, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/11/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2012 tại ủy ban nhân dân xã V (nay là xã G), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 4 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Anh Đ không có trách nhiệm với gia đình. Bởi vậy, giữa hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn không còn tình thương yêu anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về việc nuôi con: Nguyên đơn trình bày vợ chồng có 2 người con chung là Trần Nguyễn Nhất P, sinh ngày 04/01/2013; Trần Nguyễn Thanh V, sinh ngày 16/11/2016. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu V cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu P cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đều đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao giấy chứng minh nhân dân; Hai Bản sổ hộ khẩu gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ được biết việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Ngày 15/01/2021, bị đơn có văn bản trình bày ý kiến với nội dung chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa đã có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ngày 11/3/2021, bị đơn anh Trần Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào hôn vào ngày 20/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, chị Lợi và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh Đ đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Trần Nguyễn Thanh V cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Nguyễn Nhất P cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như yêu cầu của các đương sự. Bởi vì hiện nay anh Đ đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh Đ, chị L rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Nhưng anh Đ, chị L mỗi người đều chăm sóc, nuôi dưỡng một người con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hợp lý nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Chị L được ly hôn anh Trần Đ.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Trần Nguyễn Nhất P, sinh ngày 04/01/2013 cho anh Trần Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Nguyễn Thanh V, sinh ngày 16/11/2016 cho chị Nguyễn Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vân đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001666, ngày 12/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

